

Số: 37/2026/HNGĐ-ST

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

*“Về việc: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Thông và bà Hoàng Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Khởi Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 262/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2002, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Chị C và anh D kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa chị C và anh D hạnh phúc. Tuy nhiên cuộc sống

vợ chồng ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm nhau. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn với nhau được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị C không còn tình cảm với anh D nữa nên chị Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn D có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 11/7/2001 và Trần Minh T1, sinh ngày 12/02/2010. Con chung Trần Văn T đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C có nguyện vọng nuôi con chung Trần Minh T1 đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Trần Văn D. Tuy nhiên bị đơn anh Trần Văn D không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất; tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh Trần Văn D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị C đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh Trần Văn D chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 BLTTDS, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên

về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị C về việc xin ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Con chung Trần Văn T đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Minh T1, sinh ngày 12/02/2010 cho chị Trần Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị C không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị Trần Thị C chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Lâm Đồng giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Trần Văn D; anh Trần Văn D có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chị Trần Thị C chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn D không tham gia theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn anh Trần Văn D không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2002, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị C, năm 2002 chị C và anh D kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng chị C, anh D chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo Biên bản xác minh tại thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: “Anh Trần Văn D và chị Trần Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống anh D và chị C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, có cãi nhau, xúc phạm nhau” (BL 22).

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên chị C không còn tình cảm đối với anh D, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị C là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị C và anh Trần Văn D có 02 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 11/7/2001 và Trần Minh T1, sinh ngày 12/02/2010.

Hiện nay con chung Trần Văn T, sinh ngày 11/7/2001 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con chung Trần Minh T1, sinh ngày 12/02/2010 đang được chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại địa chỉ thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Chị C có nguyện vọng nuôi con chung Trần Minh T1 đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Trần Minh T1 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị C. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Trần Minh T1, sinh ngày 12/02/2010 cho chị Trần Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, đồng thời đảm bảo cho việc học tập cũng như phát triển toàn diện của con chung.

Chị Trần Thị C không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Lâm Đồng kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh T1, sinh ngày 12/02/2010 cho chị Trần Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị C không yêu cầu anh Trần Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn Trần Thị C phải chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0010992 ngày 19/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Lâm Đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV8 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đăk Mít;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ngô Thị Vân

